

Thép Nam Kim (NKG)

Cập nhật hoạt động kinh doanh tháng 7

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) đã công bố một số tiêu đề đáng chú ý về doanh số tháng 7 của công ty. Dưới đây là một số vấn đề chính đáng lưu ý.

Kinh doanh tháng 7 sụt giảm

Doanh số bán hàng tháng 7 chậm lại so với tháng trước nhưng tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, tổng sản lượng tiêu thụ thép tháng 7 đạt 82,665 tấn, tăng 22.6% n/n nhưng giảm 18.9% so với tháng trước. Sản lượng tôn mạ chiếm phần lớn lượng bán trong tháng 7 (91.3%) ở mức 75,483 tấn, +46.8% n/n, -15.6% t/t. Sản lượng tôn mạ xuất khẩu (61,950 tấn) đạt mức tăng trưởng +75.1% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng giảm nhẹ 2,4% so với tháng trước đó. Thị trường nội địa đóng góp phần nhỏ vào tổng sản lượng tiêu thụ: Lượng tôn mạ tiêu thụ trong nước đạt 13,533 tấn (-15.7% n/n; -48% t/t) và sản lượng ống thép đạt 7,182 tấn (-42.2% t/t và -55.2% n/n).

Doanh số lũy kế tăng mạnh mặc dù tháng 7 âm ảm

Kết quả hoạt động tháng 7 bị ảnh hưởng bởi nhu cầu nội địa thấp do việc giãn cách xã hội ở thị trường miền Nam làm gián đoạn chuỗi sản xuất và cung ứng. Tuy nhiên, tổng sản lượng tiêu thụ trong 7 tháng đạt 603,939 tấn, +66.2% n/n nhờ sản lượng tôn mạ tăng 56.7% n/n lên 494,634 tấn và ống thép tăng 127.9% n/n lên 109,061 tấn. Tổng sản lượng xuất khẩu (chiếm 58.6%; 354,187 tấn) tăng 132.3% n/n và sản lượng tiêu thụ nội địa (249,752 tấn) tăng 18.4% n/n trong bối cảnh ban lãnh đạo nghiêng về việc mở rộng kênh bán hàng ở thị trường xuất khẩu.

Phòng ngừa rủi ro khi giá hàng hóa tăng

Dựa trên số liệu của VSA, hàng tồn kho của NKG tính đến cuối tháng 7 thay đổi theo hai xu hướng tương phản nhưng phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại. Tồn kho ống thép giảm -27.2% t/t, -17.3% n/n xuống còn 5,607 tấn, điều này có thể được giải thích là do tác động của sự ảnh hưởng COVID-19 khiến việc sản xuất và tiêu thụ bị đình trệ. Mặt khác, tồn kho tôn mạ tăng 9.1% t/t, tăng 415.6% n/n bởi việc dự trữ thành phẩm khi nhu cầu thị trường và giá đầu vào tăng cao.

	D.Thu	LNHĐ	LN Ròng	EPS	% tăng	EBITDA	PE	EVEBITDA	PB	ROE	Cổ tức
	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(Đồng)	(n/n)	(Tỷ đồng)	(x)	(x)	(x)	(%)	(%)
2017A	12,619	1,024	707	5,279	(30.5)	1,344	7.5	8.3	1.7	31.3	2.5
2018A	14,881	390	57	315	(94.9)	811	125.2	13.7	2.4	1.9	0
2019A	12,176	62	47	251	(28.4)	504	157.4	20.2	2.4	1.5	0
2020A	11,559	509	295	1,574	534.1	885	25.1	11.3	2.3	9.5	1.9
6M21A	11,862	1,435	1,166	6,680*	-	1,624	5.9*	5.5*	1.9*	39.1*	0

Ghi chú: LN ròng, EPS and ROE dựa trên lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ. (*) Dữ liệu TTM

Khuyến nghị **Không xếp hạng**

Giá mục tiêu **N.A**

Lợi nhuận **N.A**

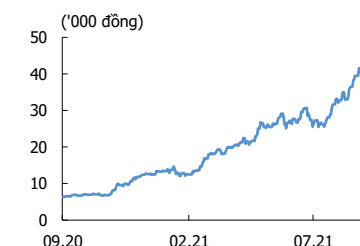
Thông kê

VNIndex (13/09, điểm)	1,341
Giá cp (13/09, đồng)	40,650
Vốn hóa (tỷ đồng)	8,878
SLCP lưu hành (triệu)	218
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	41,650/6,453
GTGD TB 6T (tỷ đồng)	187
Tỷ lệ CP tự do / Sở hữu NN (%)	60.8/14.0
Cổ đông lớn (%)	
Hồ Minh Quang	15.4
Võ Hoàng Vũ	12.5

Biến động giá cổ phiếu

	1T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	24.0	123.8	550.5
Tương đối với VNI (%p)	25.0	109.6	497.3

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Hải Nguyễn

hai.nt@kisvn.vn

Rủi ro xuất phát từ hàng tồn kho chưa hiện hữu

Thị trường xuất khẩu giúp NKG vượt qua tác động tiêu cực của Covid lên thị trường nội địa. Theo công ty, NKG có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn nhờ tồn kho chi phí thấp từ các kỳ trước và giá thép thị trường quốc tế ở mức cao.

Nếu giá ở thượng nguồn (HRC) và hạ nguồn (tôn mạ và ống thép) duy trì mức tăng, NKG có thể duy trì hoặc hưởng tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Ngoài ra, theo ban lãnh đạo, công ty còn ký hợp đồng kỳ hạn với mức biên lợi nhuận được xác định trước cho các đơn hàng xuất khẩu. Do đó, chúng tôi cho rằng rủi ro vẫn ở mức thấp.

Hoàn thành hơn 85% kế hoạch năm

Năm 2021, NKG đặt kế hoạch doanh thu 16 ngàn tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ đồng. Kết quả doanh thu và LNST trong 6 tháng đầu năm 2020 lần lượt là 11.8 ngàn tỷ đồng (+148.9% so với cùng kỳ) và 1,116 tỷ đồng (+1883.8% so với cùng kỳ), lần lượt hoàn thành 74.1% / 194.4% kế hoạch của công ty. LNST trong quý 2 năm 2021 là 847.5 tỷ đồng (so với 17 tỷ đồng trong quý 2/2020 và tăng 166% so với quý trước) trong khi doanh thu tăng gấp ba lần lên 7,010 tỷ đồng (tăng 203% so với cùng kỳ và tăng 44.5% so với quý trước).

Bảng 1. Tăng trưởng doanh số

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	07/2021	07/2020	t/t (%)	n/n (%)	7T21	7T20	n/n (%)
Óng Thép	7,182	16,018	(42.2)	(55.2)	109,305	47,853	128.4
Nội địa	7,182	16,018	(42.2)	(55.2)	109,061	47,853	127.9
Xuất khẩu	-	-	-	-	244	-	-
Tôn mạ	75,483	51,432	(15.6)	46.8	494,634	315,471	56.8
Nội địa	13,533	16,051	(48)	(15.7)	140,691	163,027	(13.7)
Xuất khẩu	61,950	35,381	(2.4)	75.1	353,943	152,444	132.18
Tổng doanh số	82,665	67,450	(18.9)	22.6	603,939	363,324	66.2
Nội địa	20,715	32,069	(46.1)	(35.4)	249,752	210,880	18.4
Xuất khẩu	61,950	35,381	(2.4)	75.1	354,187	152,444	132.4

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Bảng 2. Tăng trưởng sản xuất

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	07/2021	07/2020	t/t (%)	n/n (%)	7T21	7T20	n/n (%)
Óng Thép							
Sản xuất	5,087	16,050	(48.9)	(68.3)	104,673	47,530	120.2
Tồn kho	5,607	6,777	(27.2)	(17.3)			
Tôn mạ							
Sản xuất	82,919	50,852	(25.4)	63.1	556,444	337,315	65
Tồn kho	88,853	17,234	9.1	415.6			

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Tổng quan công ty

Thành lập vào năm 2002, Thép Nam Kim là một trong những công ty dẫn đầu trong mảng sản xuất & kinh doanh tôn mạ và ống thép (chiếm 13% thị trường tính tháng 6 năm 2021) tại Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	6M21A
Tài sản ngắn hạn	5,705	3,823	4,244	4,397	10,213
Tiền và tương đương tiền	508	658	778	588	1,260
Phải thu	1,107	744	876	1,437	2,994
Hàng tồn kho	4,090	2,420	2,589	2,371	5,958
Tài sản dài hạn	3,992	3,975	3,506	3,185	3,062
Đầu tư tài chính	132	443	49	58	97
Tài sản cố định	3,859	3,532	3,457	3,126	2,965
Khác	451	290	243	121	509
Tổng tài sản	10,174	8,122	8,064	7,763	13,945
Phải trả người bán và phải trả khác	1,053	723	1,953	1,577	5,344
Nợ ngắn hạn và TP đến hạn	4,503	3,201	2,388	2,520	3,741
Nợ và TP dài hạn	1,677	1,226	705	484	288
Tổng nợ và phải trả	7,234	5,150	5,047	4,582	9,373
VCSH	2,940	2,971	3,016	3,181	4,571
Vốn điều lệ	1,300	1,820	1,820	1,820	1,820
Thặng dư	766	766	766	766	944
Quý khác	43	71	74	18	93
LN giữ lại	830	313	356	576	1,713
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng VCSH	2,940	2,971	3,016	3,181	4,571

Bảng lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	6M21A
Dòng tiền hoạt động	(1456)	2335	1180	15	(433)
LN ròng	707	57	47	295	1,166
Khấu hao và khấu trừ	319	421	441	376	189
Tăng vốn lưu động ròng	(2,507)	1,905	950	(645)	(1,955)
Khác	23	(48)	(258)	(10)	166
Dòng tiền đầu tư	(1,440)	(194)	(229)	(345)	(224)
Tài sản cố định	(1,027)	(427)	156	(54)	(49)
Tăng đầu tư tài chính	(412)	232	(386)	399	175
Dòng tiền tài chính	2,815	(1,772)	(1,336)	(218)	1,260
Tăng vốn chủ	811	0	0	(78)	233
Tăng nợ	2,138	(1,748)	(1,314)	(67)	1,038
Chi trả cổ tức	(129)	(1)	0	0.0	0
Khác	(5)	(23)	(21)	(21)	(10)
Dòng tiền khác	0	(0)	0	0	0
Tăng tiền mặt	(81)	368	(385)	143	602

Kết quả kinh doanh

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	6M21A
Doanh thu	12,619	14,811	12,176	11,559	11,862
Giá vốn hàng bán	11,250	14,018	11,835	10,690	9,946
Lợi nhuận gộp	1,368	792	341	869	1,916
Chi phí bán hàng & QLDN	344	402	278	359	480
LN hoạt động	1,024	390	62	509	1,435
Doanh thu tài chính	115	97	107	89	54
Thu nhập lãi	3	27	30	27	54
Chi phí tài chính	377	430	275	281	157
Chi phí lãi vay	267	338	237	222	104
LN khác	19	5	195	3	10
Lãi (lỗ) từ LD&LK	0	0	0	0	0
LN trước thuế	781	62	90	320	1,342
Thuế TNDN	74	4	42	25	176
LN sau thuế	707	57	47	295	1,166
LN ròng cho công ty mẹ	707	57	47	295	1,166
EBITDA	1,344	811	504	885	1,624

Chỉ số tài chính

Cuối T12 năm tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	6M21A
Dữ liệu trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
EPS	5,279	315	251	1,574	6,680*
BPS	20,567	14,897	15,221	16,110	23,772*
DPS	595.2	0	0	250	0
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu	41.2	17.4	(17.8)	(5.1)	-
LN hoạt động	28.6	(61.9)	(83.9)	709.9	-
LN ròng	36.6	(91.9)	(17.5)	524.3	-
EPS	(30.5)	(94.9)	(28.4)	543.1	-
EBITDA	39.6	(39.7)	(37.8)	75.5	-
Khả năng sinh lợi (%)					
Biên LN hoạt động	8.1	2.6	0.5	4.4	12.1
Biên LN ròng	5.6	0.4	0.4	2.6	9.8
Biên EBITDA	10.7	5.5	4.1	7.7	10.7
ROA	8.5	0.6	0.5	3.7	14.1*
ROE	31.3	1.9	1.5	9.5	39.1*
Suất sinh lợi cổ tức	2.5	0	0	1.9	0
Tỷ lệ chi trả cổ tức	11.2	0	0	15.8	0
Đòn bẩy					
Nợ ròng (Tỷ đồng)	3,981	6,086	3,965	3,016	2,783
Nợ ròng/VCSH (%)	210.1	149.0	102.5	94.4	88.1
Định giá (x)					
PE	7.5	125.2	157.4	25.1	5.9*
PB	1.7	2.4	2.4	2.3	1.9*
EV/EBITDA	8.3	13.7	20.2	11.3	5.5*

(*) Dữ liệu TTM

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 13/09/2021.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 13/09/2021.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã phát hành chứng quyền có đảm bảo với cổ phiếu Thép Nam Kim (NKG) và hiện là công ty tạo lập thị trường.

Người thực hiện: Hải Nguyễn

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.